

**ĐẢNG BỘ TỈNH LÂM ĐỒNG
HUYỆN ỦY ĐƠN DƯƠNG**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Đơn Dương, ngày 04 tháng 9 năm 2020

Số 02-BC/HU

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội,
đảm bảo quốc phòng - an ninh 5 năm
giai đoạn 2015 - 2020; phương hướng,
nhiệm vụ giai đoạn 2020 - 2025**

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XI (nhiệm kỳ 2015 - 2020) đã xác định chủ đề hành động: *“Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng; đoàn kết, trách nhiệm, kỷ cương, tăng cường đồng thuận; phát huy mọi nguồn lực xây dựng Đơn Dương phát triển nhanh và bền vững”*.

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, bên cạnh những thuận lợi là cơ bản, song cũng gặp không ít khó khăn, thách thức. Với quyết tâm cao của Đảng bộ, chính quyền, sự đồng thuận của Nhân dân; phát huy truyền thống cách mạng, tự lực tự cường vượt qua khó khăn, thách thức để triển khai thực hiện nhiệm vụ, nhiều chỉ tiêu quan trọng hoàn thành trước kế hoạch đề ra. Kết quả cụ thể như sau:

Phần 1

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG - AN NINH 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ HUYỆN LẦN THỨ XI

1. Tốc độ tăng GDP bình quân hàng năm đạt 8,6% (*chỉ tiêu đề ra trong Nghị quyết đạt 8,5% trong cả giai đoạn 2015 - 2020*), trong đó ngành nông - lâm - thủy sản đạt 7,3%; ngành công nghiệp - xây dựng cơ bản đạt 11%; ngành dịch vụ đạt 12,2%. GRDP bình quân năm 2020 ước thực hiện đạt 71,97 triệu đồng/người/năm (*chỉ tiêu đề ra trong Nghị quyết giai đoạn 2015 - 2020 đạt 71 - 72 triệu đồng/người/năm*).

2. Thu ngân sách có sự chuyển biến tích cực, hàng năm đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Thu ngân sách tăng bình quân hàng năm 12,6%; trong đó thuế, phí tăng bình quân hàng năm 21,1% (*chỉ tiêu đề ra trong Nghị quyết, tổng thu ngân sách Nhà nước thời kỳ 2015 - 2020: Tăng bình quân hàng năm 11 - 12%; thu thuế, phí tăng bình quân hàng năm 12 - 13%*).

3. Tính đến cuối năm 2019, hộ nghèo trên địa bàn huyện còn 233 hộ, chiếm tỷ lệ 0,99%, trong đó hộ nghèo đồng bào dân tộc 119 hộ, chiếm 1,85%. Dự báo đến cuối năm 2020, trên địa bàn huyện còn 110 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 0,47%; trong đó hộ nghèo là

đồng bào dân tộc thiểu số còn 70 hộ, chiếm tỷ lệ 1,06% (*chỉ tiêu đề ra trong Nghị quyết giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm và đến năm 2020 còn dưới 0,5%; trong đó, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn dưới 1,5%*). Hàng năm đã thực hiện giải quyết việc làm mới cho gần 850 lao động, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đến cuối năm 2020 ước thực hiện 43,2% (*chỉ tiêu đề ra trong Nghị quyết đạt 42% vào năm 2020*).

4. Mức giảm tỷ lệ sinh bình quân hàng năm 0,03%, dự báo đến cuối năm 2020 tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1,15% (*chỉ tiêu Nghị quyết đề ra đến năm 2020, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn dưới 1,2%*).

5. Năm 2019, có 92,3% và dự báo đến cuối 2020 có 95% số hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh (*chỉ tiêu đề ra trong Nghị quyết, đến năm 2020, tỷ lệ số hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh 95%*). 90% rác thải đô thị được thu gom, xử lý.

6. Ước thực hiện cuối năm 2020 toàn huyện sẽ giữ vững 8/8 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới; khoảng 4/8 (50%) xã đạt nông thôn mới nâng cao (Lạc Lâm, Quảng Lập, Ka Đô, Lạc Xuân), trong đó có 2/8 (đạt 25%) xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh (*chỉ tiêu đề ra trong Nghị quyết, đến năm 2020, 100% các xã đạt chuẩn Nông thôn mới, giữ vững và nâng chất lượng huyện Nông thôn mới*).

7. Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia năm 2019 đạt 99,8%; năm 2020 dự báo đạt

99,9% (chỉ tiêu đề ra trong Nghị quyết, đến năm 2020, tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia đạt 100%).

8. Năm 2019 có 100% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế và đạt 5,8 bác sĩ/1 vạn dân. Dự báo năm 2020 tiếp tục duy trì 100% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế và có 5,8 bác sĩ/1 vạn dân (chỉ tiêu đề ra trong Nghị quyết, đến năm 2020, 100% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế và đạt 7,1 bác sĩ/1 vạn dân).

9. Bảo hiểm y tế toàn dân năm 2020 ước thực hiện đạt 92% (chỉ tiêu đề ra trong Nghị quyết, đến năm 2020, Bảo hiểm y tế toàn dân đạt 80%).

10. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 58,96% (chỉ tiêu đề ra trong Nghị quyết, đến năm 2020, tỷ lệ che phủ rừng đạt 58%).

11. Toàn huyện hiện có 46/54 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I, đạt 85,3%. 100% các trường đạt chuẩn về cơ sở vật chất. Huyện giữ vững kết quả và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp; 95,3% thanh niên trong độ tuổi đang học THPT hoặc tương đương (chỉ tiêu đề ra trong Nghị quyết, duy trì phổ cập mầm non 5 tuổi và bậc tiểu học, trung học cơ sở. Xây dựng trường chuẩn quốc gia đạt mức độ I là 76%).

12. Dự kiến đến cuối năm 2020 có 95% hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa; 98% thôn và tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa; 100% xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, 50% thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh;

95% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; 100% xã, thị trấn có Trung tâm Văn hóa - Thể thao; 100% thôn, tổ dân phố có nhà văn hóa đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch (*chỉ tiêu đề ra trong Nghị quyết, trên 90% hộ gia đình văn hóa; 90% thôn, khu phố văn hóa; 100% xã đạt chuẩn văn hóa Nông thôn mới; 100% thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh; 98% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; 100% xã, thị trấn có Trung tâm Văn hóa - Thể thao; 100% thôn, tổ dân phố có nhà văn hóa đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch*).

13. Có 100% cán bộ, công chức xã, thị trấn đạt chuẩn theo quy định, trong đó 71,16% có trình độ cao đẳng, đại học (*chỉ tiêu đề ra trong Nghị quyết, đến năm 2020 có 100% cán bộ, công chức xã, thị trấn đạt chuẩn, trong đó có 60% có trình độ cao đẳng, đại học*).

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

1. Lĩnh vực kinh tế

a) Nông nghiệp

Ước năm 2020, tổng sản phẩm ngành nông - lâm - thủy sản theo giá hiện hành đạt 3.898 tỷ 124 triệu đồng, cơ cấu kinh tế ngành nông - lâm - thủy sản chiếm tỷ trọng 50,2% trong nền kinh tế.

** Trồng trọt*

Dự báo năm 2020, diện tích gieo trồng rau là 27.060 ha, tăng 3.180 ha so với năm 2015, năng suất 338 tạ/ha. Năm 2015 có 1.752 ha cây cà phê, đến nay còn 1.568 ha, giảm 184 ha so với năm 2015; vùng trồng tập trung ở thị trấn D'ran, xã Tu Tra, xã Pró¹¹. Năm 2015 có 1.537 ha cây ăn quả, đến nay còn 1.493 ha, giảm 44 ha so với năm 2015. Chủng loại cây ăn quả chủ yếu là cây hồng, bơ, cam, quýt, chuối, dứa cayen... Thời gian qua, diện tích sản xuất cây ăn quả luôn mang lại giá trị kinh tế cao nhờ giá cả thị trường tương đối ổn định.

Giai đoạn năm 2015 - 2020, diện tích lúa 01 vụ và cây trồng kém hiệu quả kinh tế chuyển sang trồng rau thương phẩm trên 700 ha. Diện tích gieo trồng hoa trong Nhân dân năm 2015 là 100 ha, đến nay diện tích trồng được 160 ha, tăng 16%; các loại hoa được trồng nhiều nhất là Lay-on, Cúc, Cát Tường, Ly Ly, Hồng Môn, Lan. Hiện nay có 25 ha cây được liệu, chủ yếu là cây sâm Đường Quy.

** Chăn nuôi*

Dự báo đến hết năm 2020, tổng đàn trâu có 2.400 con, tổng đàn bò có 28.300 con (tỷ lệ sinh hóa đạt trên 65%), trong đó bò sữa 15.018 con (tăng 4.406 con so với năm 2015); đàn heo có 10.600 con, đàn gia cầm có 135.400 con.

¹¹ Hiện nay, cà phê Robusta 445 ha, cà phê Catimor 1.123 ha. Cơ bản diện tích cây cà phê đã sử dụng giống mới cho năng suất ổn định.

**** Lĩnh vực lâm nghiệp***

Tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp (sau khi cập nhật diễn biến rừng theo phần mềm cập nhật diễn biến) trên địa bàn huyện là 42.460,27 ha (diện tích trong quy hoạch là 40.930,19 ha); tổng diện tích đất có rừng là 36.050,71 ha. Tỷ lệ che phủ rừng hiện nay đạt 58,96%.

Công tác bảo vệ, phát triển rừng trên địa bàn huyện đã có nhiều chuyển biến tích cực. Trong đó, nhiều chỉ tiêu về trồng rừng, chăm sóc rừng, trồng cây phân tán, khoán bảo vệ rừng đạt và vượt kế hoạch đề ra. Tổng diện tích giao khoán quản lý bảo vệ rừng hết năm 2019 là 30.005 ha, giao cho 05 đơn vị quản lý và 975 hộ gia đình, cá nhân. Trong 05 năm đã trồng 1.008 ha rừng.

Trên địa bàn huyện hiện có 19 dự án thuê rừng và đất rừng, các dự án thực hiện tiến độ trồng rừng kinh tế cơ bản theo tiến độ đầu tư và tiếp tục thực hiện công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng trên lâm phần được thuê.

b) Tài nguyên, môi trường

Cấp quyền sử dụng đất ở đô thị trong 05 năm 2015 - 2019 là 146 giấy/3,23 ha, quyền sử dụng đất ở nông thôn và đất sản xuất nông nghiệp 1.702 giấy/326,1 ha.

Thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Trong thời gian từ năm 2015 - 2019 trên địa bàn huyện có tổng số 08 dự án phải thực hiện thu hồi đất

(dự án xây dựng trụ sở làm việc của Ban chỉ huy Quân sự huyện Đơn Dương; dự án mở rộng trường THCS Thạnh Mỹ; dự án xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Ka Đô; dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 20; dự án nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt tập trung của huyện tại xã Ka Đô; dự án xây dựng cầu dân sinh (Lramp) tại xã Tu Tra, xã Ka Đô, xã Lạc Lâm; dự án xây dựng cầu Ông Thiệu; dự án đường giao thông Trung tâm thị trấn D'ran).

Quy hoạch - Kế hoạch sử dụng đất: Đã hoàn thành và được UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020. Hàng năm UBND huyện lập kế hoạch sử dụng đất trình UBND tỉnh phê duyệt để thực hiện.

Công tác khai hoang đất, giao đất: Đã lập thủ tục giao đất cho 25 hộ đồng bào dân tộc thiểu số thiếu đất với diện tích 10 ha; lập thủ tục tạm giao đất khoảng 54 trường hợp/26,0 ha.

Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tăng cường công tác quản lý về khai thác khoáng sản, vệ sinh môi trường; thực hiện công tác kiểm tra, xử lý kịp thời những trường hợp vi phạm.

c) Thu hút đầu tư

UBND huyện tiếp tục làm việc với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để xúc tiến đầu tư các dự án: Hạ tầng Cụm công nghiệp Ka Đô; nhà máy chế biến cà chua; nhà máy chế biến thực phẩm từ sữa bò;

khu xử lý rác thải tập trung của huyện; nhà máy chế biến thức ăn gia súc; nhà máy sản xuất gạch không nung; chợ chuyên doanh nông sản; nhà máy sản xuất phô mai và chế biến nông sản.

d) Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch

Cơ cấu ngành công nghiệp - xây dựng cơ bản ước năm 2020 chiếm 14,9%; ngành dịch vụ chiếm 34,9% trong nền kinh tế của huyện.

Các cơ sở sản xuất ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp vẫn duy trì được kế hoạch sản xuất, đầu ra sản phẩm luôn ổn định và có chiều hướng phát triển. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo giá cố định ước năm 2020 thực hiện 595 tỷ 486 triệu đồng, tăng bình quân hàng năm 10,3%; giá trị sản xuất ngành dịch vụ thực hiện 2.102 tỷ 850 triệu đồng, tăng bình quân hàng năm 12,2%. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng 13,2%/năm, tổng kim ngạch xuất khẩu bình quân tăng 10,6%/năm. Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận tải hành khách, dịch vụ ngân hàng phát triển nhanh. Một số di tích, di chỉ lịch sử văn hóa đang được bảo tồn, tôn tạo hướng tới phục vụ phát triển du lịch sẽ đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội những năm tới.

Hàng hóa trên địa bàn huyện phong phú, giá cả ổn định; điện sáng, nước sạch, thông tin liên lạc, giao thông vận tải đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu của Nhân

dân. Hàng năm triển khai kế hoạch kiểm tra chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại theo kế hoạch; tổ chức cuộc thi bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu. Đăng ký các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản tại địa phương tham gia khảo sát thị trường và kết nối giao thương với các tỉnh do Trung tâm Xúc tiến đầu tư thương mại và du lịch và Sở Công Thương tổ chức.

đ) Đầu tư xây dựng cơ bản

Đã tranh thủ và tập trung được các nguồn vốn của Trung ương, của tỉnh, đồng thời huy động nội lực để xây dựng, nâng cấp, cải tạo kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là đường giao thông, điện, công trình thủy lợi, cơ sở giáo dục, y tế, chỉnh trang đô thị, xây dựng nông thôn mới.

Tổng số công trình đã đầu tư giai đoạn 2015 - 2020: 186 công trình; tổng mức đầu tư 1.364 tỷ đồng; tổng số vốn được cấp 774 tỷ 880 triệu đồng; giải ngân 656 tỷ 563 triệu đồng, đạt 84,7%. Công trình hoàn thành đưa vào sử dụng 167 công trình; công trình đang thi công 19 công trình.

e) Ngân sách

Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, hàng năm đều đạt và vượt kế hoạch. Tổng thu ngân sách Nhà nước năm 2016 thực hiện 102 tỷ 571 triệu đồng; năm 2017 thực hiện 128 tỷ 312 triệu đồng, năm 2018 thực hiện 142 tỷ 585 triệu đồng, năm 2019 thực hiện

152 tỷ 101 triệu đồng, tăng bình quân hàng năm 12,6%. Chi ngân sách được quản lý chặt chẽ, cơ bản đáp ứng các yêu cầu về phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội.

2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và đào tạo

Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý được quan tâm chăm lo, xây dựng, tỷ lệ đạt chuẩn 100% và trên chuẩn 88%. Kỷ cương, nề nếp được duy trì tốt; công tác thanh tra, kiểm tra được tăng cường. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý tiếp tục có những chuyển biến tốt.

Cơ sở vật chất được đầu tư theo hướng chuẩn hóa, kiên cố hóa, hiện đại hóa, cảnh quan sư phạm được quan tâm, thiết bị dạy học, hệ thống thư viện trường học ở các cơ sở giáo dục được tăng cường theo các chuẩn quốc gia đã ban hành.

Duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường; duy trì sĩ số học sinh đạt 99,6%. Chất lượng các mặt giáo dục đã được nâng lên rõ rệt, chất lượng đào tạo mũi nhọn tăng lên đáng kể, tăng 7,5% so với đầu nhiệm kỳ. Công tác phụ đạo học sinh yếu được tăng cường. Giữ vững và nâng cao tỷ lệ phổ cập giáo dục các cấp học. 100% học sinh, tiểu học được học 02 buổi/ngày. Tỷ lệ lớp học 02 buổi/ngày bậc THCS đạt trên mức quy định.

Huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập THCS mức độ 2, xóa mù chữ mức độ 2 theo Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 02/3/2020 của UBND tỉnh.

b) Y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình

Cơ sở vật chất, trang thiết bị của mạng lưới y tế xã, huyện được đầu tư nâng cấp, mở rộng, bảo đảm các tuyến điều trị đủ điều kiện chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân. Hiện nay có 10/10 xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về Y tế xã giai đoạn 2011 - 2020; 100% Trạm y tế xã, thị trấn có bác sĩ, nữ hộ sinh trung học và y sĩ y học cổ truyền; 104/104 thôn, tổ dân phố có nhân viên y tế. Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi hiện còn 12,01%, dự báo năm 2020 còn 11,79%. Công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường. Thực hiện tốt các chương trình về dân số, kế hoạch hóa gia đình; tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên dự báo năm 2020 còn 1,15%. Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế toàn huyện đến cuối năm 2019 đạt 91,61%, dự báo năm 2020 đạt 92%.

Trong những tháng đầu năm 2020, tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp đã gây ảnh hưởng lớn đến sức khỏe, đời sống, kinh tế của cả nước. Xác định công tác phòng, chống dịch Covid-19 là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách; các ngành, các cấp trên địa bàn huyện đã thực hiện quyết liệt các biện pháp do

Chính phủ đề ra, huy động toàn bộ hệ thống chính trị, lực lượng vũ trang và toàn dân phòng, chống dịch bệnh. Kết hợp nhuần nhuyễn 3 công tác: Tổ chức chống dịch; thông tin tuyên truyền; ổn định tâm lý, củng cố niềm tin, tạo đồng thuận xã hội trong chung tay tham gia phòng, chống dịch bệnh. Đã chỉ đạo chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất cho việc dự phòng, cách ly, điều trị; chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị, thuốc men y tế, trang bị phòng hộ cho Nhân dân; bảo đảm kinh phí nhân lực cho công tác phòng, chống dịch bệnh. Tăng cường giám sát dịch bệnh tại các cơ sở y tế và cộng đồng. Tổ chức thực hiện nghiêm việc tạm dừng hoạt động một số dịch vụ văn hóa, giải trí và tạm thời đóng cửa các nhà hàng, dịch vụ ăn uống, cơ sở thẩm mỹ, vật lý trị liệu trên địa bàn huyện. Tính đến thời điểm hiện nay, trên địa bàn huyện chưa phát hiện trường hợp nào dương tính với Covid-19.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, huyện Đơn Dương đã bố trí 02 khu vực cách ly tập trung tại Trung tâm huấn luyện quân sự huyện Đơn Dương và Trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS Đơn Dương với tổng số 140 người. Chỉ đạo Trung tâm Y tế xây dựng phương án cách ly điều trị tại Trung tâm Y tế, Phòng khám đa khoa khu vực Ka Đô và D'ran.

Chỉ đạo rà soát, lập danh sách chi hỗ trợ các đối tượng gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị

quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng số tiền đã chi hỗ trợ là 7 tỷ 104,5 triệu đồng.

Hiện nay tình hình dịch Covid-19 trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp; UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, đoàn thể và UBND các xã, thị trấn chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19; phát huy những kết quả đạt được; tuyệt đối không được lơ là, chủ quan; nghiêm túc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp với điều kiện mới; không để xảy ra lây lan trong cộng đồng.

c) Văn hóa, thể dục thể thao, thông tin, truyền thông

Các thiết chế văn hóa được đầu tư xây dựng theo hướng kiên cố hóa, hiện đại, đến nay trên địa bàn huyện đã có 10/10 xã, thị trấn có nhà văn hóa, 104 thôn, tổ dân phố có nhà sinh hoạt cộng đồng; đang xây dựng và chuẩn bị hoàn thiện khu liên hợp thể dục, thể thao tại Trung tâm huyện đáp ứng nhu cầu rèn luyện thể dục thể thao của Nhân dân.

Làm tốt công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc bản địa, đang xây dựng khu bảo tồn văn hóa Chu Ru tại xã Pro, gìn giữ các nghề truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số.

Lĩnh vực văn hóa thông tin, thể dục thể thao thực hiện đảm bảo phục vụ các nhiệm vụ chính trị huyện, tạo môi trường văn hóa lành mạnh nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho Nhân dân. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được đẩy mạnh; tỷ lệ hộ gia đình, thôn, tổ dân phố, xã văn hóa đều đạt theo chỉ tiêu Nghị quyết đề ra hàng năm.

Công tác kiểm tra chuyên ngành các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa thông tin (như: Karaoke; internet; cơ sở lưu trú; các điểm bán sách, báo, lịch...) được tăng cường. Trong 05 năm đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 16 dịch vụ kinh doanh internet với số tiền 46 triệu đồng.

d) Lao động, việc làm, an sinh xã hội

Từ năm 2016 đến nay đã giải quyết việc làm mới cho 4.170 lao động. Trong giai đoạn 2015 - 2020 đã mở 22 lớp nghề với 554 học viên tham gia. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến cuối năm 2019 đạt 41,2%, dự báo năm 2020 đạt 43,2%. Tư vấn giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động và đào tạo nghề trên địa bàn 10 xã, thị trấn, thu hút trên 1.400 lượt người tham dự, trong đó có 100 lao động đăng ký tham gia xuất khẩu lao động, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao đời sống Nhân dân. Công tác kiểm tra vệ sinh an toàn lao động được tăng cường. An sinh xã hội được đảm bảo.

Công tác giảm nghèo đã được UBND huyện tập trung triển khai thực hiện thông qua các chương trình

của Chính phủ. Tính đến cuối năm 2019 hộ nghèo trên địa bàn huyện giảm xuống còn 233 hộ, chiếm tỷ lệ 0,99%, trong đó hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số 119 hộ, chiếm 1,85%. Dự báo đến cuối năm 2020, trên địa bàn huyện còn 110 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 0,47%; trong đó hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số còn 70 hộ, chiếm tỷ lệ 1,06%.

3. Lĩnh vực quốc phòng - an ninh, nội chính

a) Công tác quốc phòng - an ninh

Công tác quốc phòng được triển khai thực hiện tốt. Các kế hoạch phòng thủ, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng quốc phòng thường xuyên được bổ sung, hoàn chỉnh; sức mạnh tổng hợp của các lực lượng vũ trang từng bước được nâng lên. Công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ hàng năm hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân được giao. Trong giai đoạn 2015 - 2020 đã tổ chức 01 cuộc diễn tập phòng thủ dân sự huyện, 10 cuộc diễn tập chiến đấu phòng thủ xã, thị trấn.

An ninh, trật tự an toàn xã hội: Lực lượng Công an từ huyện đến các xã, thị trấn đã phối hợp chặt chẽ, tăng cường các biện pháp đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; tăng cường đấu tranh phòng, chống vi phạm, tội phạm, tai nạn giao thông; thường xuyên mở các đợt cao điểm trấn áp tội phạm, tuần tra, kiểm soát đảm bảo trật tự an toàn giao thông; đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Thực hiện Đề án tăng cường

Công an chính quy về công tác tại 8/8 xã trên địa bàn huyện.

Trật tự an toàn xã hội tuy ổn định nhưng tội phạm về trộm cắp, sử dụng ma túy, tai nạn giao thông có thời điểm diễn biến phức tạp, có chiều hướng gia tăng. Trong giai đoạn 2015 - 2020, trên địa bàn huyện phát hiện 358 vụ phạm tội về trật tự xã hội, hậu quả làm 16 người chết, 65 người bị thương, 13 trẻ em bị xâm hại, thiệt hại tài sản khoảng 09 tỉ 108 triệu đồng¹². Đã điều tra làm rõ 308/358 án xảy ra, đạt tỷ lệ 86%, án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng làm rõ 31/31 vụ, đạt tỷ lệ 100%. Triệt phá 15 băng, nhóm; 69 tụ điểm đánh bạc gồm 745 đối tượng tham gia. Bắt và vận động đầu thú 42 đối tượng truy nã, trong đó có 01 đối tượng truy nã đặc biệt nguy hiểm. Xảy ra 51 vụ (49 vụ tai nạn giao thông, 02 vụ va chạm giao thông), hậu quả làm chết 49 người, bị thương 36 người, thiệt hại tài sản trị giá 520 triệu đồng. Phát hiện, làm rõ 26 vụ - 35 đối tượng phạm tội trên lĩnh vực ma túy (20 vụ - 26 đối

¹² *Cụ thể: 15 vụ giết người; 06 vụ hiếp dâm trẻ em; 01 vụ hiếp dâm; 08 vụ giao cấu với trẻ em; 01 vụ dâm ô trẻ em; 173 vụ trộm cắp tài sản; 01 vụ cướp tài sản; 05 vụ cướp giật tài sản; 11 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản; 11 vụ lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; 06 vụ cưỡng đoạt tài sản; 19 vụ hủy hoại tài sản; 51 vụ cố ý gây thương tích; 32 vụ đánh bạc; 11 vụ tổ chức đánh bạc; 01 vụ sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; 01 vụ vô ý làm chết người; 01 vụ bắt người trái pháp luật; 02 vụ gây rối trật tự công cộng, 02 vụ chống người thi hành công vụ.*

tượng tàng trữ trái phép chất ma túy và 01 đối tượng che giấu tội phạm, 06 vụ - 08 đối tượng mua bán trái phép chất ma túy).

b) Công tác thanh tra, phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm chống lãng phí

UBND huyện tiếp tục chỉ đạo thực hiện tuyên truyền, quán triệt và thực hiện nghiêm các quy định, các biện pháp phòng ngừa tham nhũng như: Công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý của các cơ quan, đơn vị; xây dựng và thực hiện nghiêm các chế độ, định mức chi tiêu; xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp; thực hiện chuyển đổi vị trí công tác; triển khai thực hiện kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập hàng năm; đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán.

Trong 05 năm qua đã xử lý kỷ luật 02 trường hợp vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng: Buộc thôi việc 01 công chức huyện, khiển trách 01 công chức xã.¹³

¹³ Năm 2016, đã phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng của ông Mai Văn Hải, công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường; kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc. Năm 2017, căn cứ đơn tố cáo của công dân tố cáo công chức Tư pháp UBND xã Lạc Xuân đã nhận số tiền 10.000.000 đồng vào năm 2012 nhưng đến nay không giải quyết công việc cho người dân. Công chức trên đã trả lại tiền cho người dân; xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách.

Trong 05 năm từ năm 2015 đến hết năm 2019, tổng số đơn vị được thanh tra là 84 đơn vị, số đơn vị vi phạm là 79 đơn vị. Tổng số sai phạm về kinh tế phát hiện qua công tác thanh tra là 2 tỷ 100 triệu đồng và 5,8 ha đất; đã thu hồi 1 tỷ 678 triệu đồng, chi trả bổ sung cho các đối tượng hưởng thiếu so với quy định 286,8 triệu đồng, truy đóng BHXH 68,8 triệu đồng, truy thu thuế 37,32 triệu đồng, trả lại cho người dân 18,37 triệu đồng, xử lý khác 11,15 triệu đồng; thu hồi đưa vào quản lý 5,8 ha đất.

c) Công tác cải cách hành chính

Công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện giai đoạn 2015 - 2020 có nhiều chuyển biến, đạt kết quả tốt. UBND huyện ban hành kế hoạch cải cách hành chính hàng năm với những mục tiêu, giải pháp cụ thể để tập trung lãnh đạo thực hiện; trong đó trọng tâm là công tác cải cách thủ tục hành chính, xây dựng nâng cao chất lượng đội ngũ CBCC và hiện đại hóa nền hành chính.

Công tác cải cách thủ tục hành chính của huyện được tập trung thực hiện; tỷ lệ hài lòng người dân hàng năm đều đạt trên 90%, 100% thủ tục hành chính cấp huyện, cấp xã được thực hiện theo cơ chế Một cửa.

Các thủ tục hành chính đã được công bố tương đối đầy đủ, quy trình thủ tục hành chính rõ ràng, đảm bảo các quy định, điều kiện thực hiện. Phân cấp,

phân quyền giải quyết thủ tục hành chính được đẩy mạnh qua đó đã góp phần cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

Bình quân hàng năm tại UBND huyện tiếp nhận từ 4.000 đến 5.000 hồ sơ thủ tục hành chính, tỷ lệ giải quyết đúng hạn và trước hạn từ 92 - 98%; tại UBND cấp xã tiếp nhận từ 40.000 đến 45.000 hồ sơ thủ tục hành chính/năm, tỷ lệ giải quyết đúng hạn và trước hạn đạt 100%.

Hiện đại hóa nền hành chính được quan tâm, đã đầu tư trang bị hệ thống Một cửa điện tử tại UBND huyện và UBND các xã, thị trấn. Triển khai và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại UBND huyện và UBND các xã, thị trấn.

Thông qua kết quả đánh giá chỉ số cải cách hành chính do UBND tỉnh công bố, UBND huyện đã ban hành kế hoạch và chỉ đạo khắc phục tồn tại trong công tác cải cách hành chính.

Trong năm 2016, 2017, huyện Đơn Dương xếp thứ nhất trong 12 huyện, thành phố về chỉ số cải cách hành chính.

d) Công tác tổ chức, bộ máy

Bộ máy hành chính từ huyện đến xã, thị trấn thường xuyên được củng cố, kiện toàn, đảm bảo đủ số lượng, chất lượng, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “*Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”, UBND huyện xây dựng Đề án sáp nhập thôn, tổ dân phố chưa đảm bảo tiêu chí về hộ gia đình theo Thông tư số 14/2018/TT-BNV của Bộ Nội vụ, thực hiện việc sắp xếp, sáp nhập 04 thôn thành 03 thôn mới.

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương, UBND huyện ban hành Kế hoạch về việc triển khai thực hiện sắp xếp, kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện, đồng thời xây dựng đề án và thực hiện sáp nhập Đài Truyền thanh - Truyền hình với Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện thành Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện; tiến hành sáp nhập Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp với Trung tâm Tổng hợp hướng nghiệp dạy nghề thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

Tổ chức thành công bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021, sắp xếp ổn định tổ chức bộ máy sau bầu cử. Hoàn chỉnh quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2020 - 2025, hàng năm đều tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch theo quy định.

UBND huyện đã chú trọng chỉ đạo tăng cường công tác quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương và đạo đức công vụ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp và công tác cải cách hành chính.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp về tuyển dụng, bố trí sử dụng và công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý. Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng gắn với quy hoạch và công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức. Tính đến nay 100% cán bộ, công chức hành chính cấp huyện (90 người) và 100% cán bộ, công chức cấp xã (107 cán bộ, 110 công chức) đạt chuẩn theo quy định.

Công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức đã có nhiều đổi mới, đúng theo quy định, hướng dẫn của cấp trên, đảm bảo công khai, minh bạch, trung thực và toàn diện. Công tác kiểm tra, thanh tra công vụ được tăng cường thường xuyên.

Thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về tinh giản biên chế, từ năm 2015 đến nay UBND huyện đã tinh giản 10 công chức hành chính, hiện nay còn 96 biên chế.

Về công tác đào tạo, bồi dưỡng được chú trọng thực hiện nhằm chuẩn hóa trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và đáp ứng yêu cầu công việc trong tình hình mới.

III. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG TÂM

1. Chương trình giữ vững và nâng cao chất lượng huyện nông thôn mới, xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu, đô thị văn minh

Sau khi được Thủ tướng Chính phủ công nhận là huyện nông thôn mới năm 2015, huyện đã xây dựng và ban hành Đề án số 1347/ĐA-UBND ngày 13/10/2016 về giữ vững và nâng cao chất lượng huyện nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

Năm 2018, huyện Đơn Dương được chọn làm huyện xây dựng thí điểm về nông thôn mới kiểu mẫu; huyện đã lập Đề án xây dựng huyện Đơn Dương đạt nông thôn mới kiểu mẫu về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh giai đoạn 2019 - 2025 và đã được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt tại Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 06/3/2019. UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 409/KH-UBND ngày 12/4/2019 về triển khai thực hiện Đề án.

UBND huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, quyết liệt, năng động sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới ở các xã; xây dựng 02 thị trấn phát triển theo hướng đô thị văn minh.

Chương trình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh trên địa bàn huyện tiếp tục đạt được nhiều kết quả như sau:

- Công tác phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao ngày càng được mở rộng, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng đang được thực hiện có hiệu quả. UBND tỉnh đánh giá công nhận sản phẩm OCOP Lâm Đồng cho 3 sản phẩm: Trà Đường Quy túi lọc của Hợp tác xã Dược liệu Như Ý đạt 4 sao, quả hồng sấy dẻo của Công ty TNHH Nông sản Đa Nhim đạt 3 sao, củ Năng của Hợp tác xã Củ Năng Pro đạt 3 sao.

- Nền kinh tế của huyện tiếp tục duy trì tốc độ phát triển, công tác giảm nghèo nâng cao thu nhập cho người dân được triển khai có hiệu quả.

- Tiêu chí cảnh quan môi trường đã được chú trọng; đặc biệt là thu gom rác thải, xây dựng và tích cực triển khai nhiều mô hình trồng cây bóng mát, trồng hoa, cây cảnh trên các tuyến đường.

- Văn hóa xã hội được đảm bảo, quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân ngày càng được nâng lên và có sự đồng thuận tham gia của xã hội.

- Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020: 11.814.750 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Nhà nước 515.899 triệu

đồng; tín dụng 10.788.970 triệu đồng (thông qua các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và nông dân); vốn lồng ghép: 465.393 triệu đồng; doanh nghiệp, HTX: 23.190 triệu đồng; Nhân dân đóng góp: 21.298 triệu đồng.

- Đã công nhận 22 mô hình khu dân cư kiểu mẫu.

Cuối năm 2019, qua rà soát kết quả thực hiện bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tại 04 xã: Quảng Lập, Ka Đô, Lạc Lâm và Lạc Xuân chưa đạt đối với tiêu chí về tổ chức sản xuất, tiêu chí cảnh quan môi trường. Hiện nay, đã hoàn thiện hồ sơ và trình UBND tỉnh xét công nhận 03 xã: Lạc Lâm, Quảng Lập, Ka Đô đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2020.

Ước thực hiện đến cuối năm 2020, toàn huyện giữ vững 8/8 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới, có 4/8 (50%) xã đạt nông thôn mới nâng cao (Lạc Lâm, Quảng Lập, Ka Đô, Lạc Xuân), trong đó có 2/8 (đạt 25%) xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh. Thị trấn Thanh Mỹ, thị trấn D'ran xây dựng theo định hướng đạt chuẩn đô thị văn minh.

2. Chương trình phát triển nguồn nhân lực

Dân số trung bình toàn huyện đến cuối năm 2019 là 107.714 người, trong đó dân số lao động có 57.207 người. Hàng năm, UBND huyện phối hợp với

các ngành của tỉnh tổ chức nhiều lớp dạy nghề cho lao động nông thôn, trong giai đoạn 2015 - 2020 đã mở được 22 lớp nghề, có 554 học viên tham gia; tư vấn giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động và đào tạo nghề trên địa bàn 10 xã, thị trấn, thu hút trên 1.400 lượt người tham dự, trong đó có 100 lao động đăng ký tham gia xuất khẩu lao động góp phần giải quyết việc làm, nâng cao đời sống Nhân dân. Cơ cấu lao động qua đào tạo có xu hướng giảm mạnh trình độ sơ cấp và không bằng cấp, tăng các trình độ cao hơn để đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Đánh giá chung về nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực của huyện có khả năng thích nghi nhanh với môi trường lao động mới; quy mô nhân lực tương đối lớn, dân số trong độ tuổi lao động trẻ, nguồn cung lao động dồi dào là cơ hội tốt để phát triển nhân lực có chất lượng, góp phần thúc đẩy nền kinh tế của huyện phát triển nhanh và bền vững.

Chất lượng nguồn nhân lực của huyện tuy được nâng lên nhưng trước những yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế trên nhiều lĩnh vực còn thiếu cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng lao động có chuyên môn giỏi, tay nghề cao.

Đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ sau đại học chưa cao; đội ngũ trí thức trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh còn ít, vì vậy việc áp dụng những

tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất, kinh doanh còn hạn chế.

3. Chương trình tái cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Qua 05 năm triển khai Chương trình tái cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cho thấy: Theo định hướng quy hoạch vùng sản xuất của huyện¹⁴, Nhân dân đã chuyển đổi nhiều diện tích đất sản xuất nông nghiệp không mang lại hiệu quả sang trồng cây rau hiệu quả kinh tế cao hơn.

Trong 05 năm qua toàn huyện đã triển khai nhiều mô hình chuyển giao, nhân rộng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đã tổ chức được trên 200 lớp/6.000 lượt người tham gia tập huấn, hội thảo chuyển giao khoa học kỹ thuật; đẩy mạnh ứng dụng các biện pháp canh tác tiên tiến vào sản xuất, đến

¹⁴ Xác định phát triển theo 3 vùng: Thị trấn D'ran, thị trấn Thạnh Mỹ: Chinh trang đô thị, hoàn thiện kết cấu hạ tầng thị trấn D'ran; xây dựng thị trấn Thạnh Mỹ thành đô thị loại IV; tập trung phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ. Khu vực các xã Lạc Xuân, Lạc Lâm, Ka Đô, Quảng Lập: Tập trung phát triển vùng rau - hoa công nghệ cao. Khu vực các xã Tu Tra, Ka Đơn, Đa Ròn, Pró: Tập trung phát triển chăn nuôi bò sữa theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến sữa.

nay, trên địa bàn huyện đã có nhiều hộ dân ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh.

Kết quả thực hiện Chương trình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên lĩnh vực rau, hoa ngày càng nhân rộng và phát triển theo chiều sâu. Diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hàng năm đều tăng và phát triển cả chiều rộng và chiều sâu. Năm 2015, diện tích rau, hoa ứng dụng công nghệ cao là 6.845 ha. Đến nay đạt 10.512 ha/11.763 ha đất canh tác rau, hoa toàn huyện (chiếm 89,4%); trong đó diện tích nhà kính, nhà lưới 2.330 ha; diện tích tưới tự động, nhỏ giọt 8.100 ha; diện tích tưới tự động điều khiển nhiệt độ, ánh sáng, độ ẩm trong dân 45 ha, canh tác không dùng đất 08 ha, nông nghiệp hữu cơ 29 ha. Năng suất cây trồng tăng bình quân 3 - 5%/năm, đạt kế hoạch đề ra. Toàn huyện có 116 cơ sở được cấp Giấy chứng nhận VietGAP với diện tích trên 608 ha. Một số hộ dân đã đầu tư kho lạnh bảo quản rau, hoa sau thu hoạch; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý tưới và pha dưỡng chất tưới tự động trên rau; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc điều khiển tưới tự động; ứng dụng hệ thống cảm biến kết nối vạn vật IOT. Công nghệ ghép được áp dụng rộng rãi trong sản xuất giống. Công nghệ nhà kính, nhà lưới, màng phủ, tưới tự động được áp dụng rộng rãi; công nghệ thủy canh, cảm biến kết nối vạn vật đang từng bước áp dụng hiệu quả.

Số lượng nông sản tiêu thụ qua liên kết hợp đồng với các cơ sở thu mua, các công ty, doanh nghiệp chiếm 30% trên tổng sản lượng nông sản trên địa bàn huyện. Số lượng chuỗi liên kết tiêu thụ của huyện là 35 chuỗi. Giá trị sản xuất trong tái cơ cấu sản xuất rau, hoa ứng dụng công nghệ cao đạt bình quân 250 triệu - 300 triệu đồng/ha/năm; có những mô hình rau, hoa đạt từ 1,0 tỷ đồng/ha/năm trở lên.

Hiện nay UBND tỉnh đã công nhận vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao xã Lạc Xuân với diện tích 167 ha, xã Lạc Lâm với diện tích 117,87 ha.

4. Chương trình phát triển đàn bò sữa và sữa

Trong những năm qua, chăn nuôi trên địa bàn phát triển ổn định. Trong quá trình thực hiện đã lồng ghép chương trình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh giai đoạn 2019 - 2025 để thực hiện cơ giới hóa trong chăn nuôi, ứng dụng các công nghệ khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất; hỗ trợ đào tạo, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đội ngũ cán bộ thú y cơ sở lành nghề, có kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, thực hiện tốt mô hình chăn nuôi bò sữa ứng dụng cơ giới hóa; đầu tư trang thiết bị công nghệ mới phục vụ lai tạo giống.

Năm 2015, tổng đàn bò sữa toàn huyện là 10.612 con, sản lượng sữa bình quân 70 tấn/ngày. Đến nay tổng đàn bò sữa toàn huyện là 15.018 con, tăng 41,5% so với năm 2015, trong đó có khoảng

7.508 con đang khai thác với sản lượng sữa bình quân 160 tấn/ngày; tổng doanh thu từ nguồn sữa tươi ước đạt 2,0 tỷ đồng/ngày¹⁵.

Các sản phẩm nguyên liệu sữa được tiêu thụ bằng các phương thức ký kết hợp đồng trực tiếp giữa người nông dân và các công ty; Hợp tác xã, Tổ hợp tác đứng ra là đầu mối thu mua sữa của các thành viên (hộ chăn nuôi) và ký hợp đồng cung cấp cho các công ty. Các công ty sản xuất sữa đầu tư sản xuất theo chuỗi khép kín từ chăn nuôi, chế biến và tiêu thụ sữa.

Việc hình thành liên kết theo chuỗi giá trị từ chăn nuôi bò sữa đến thu gom, bảo quản, chế biến, tiêu thụ sữa tươi nguyên liệu đã giúp các công ty sản xuất sữa có vùng nguyên liệu ổn định và người dân chăn nuôi bò sữa trên địa bàn huyện yên tâm đầu tư mở rộng sản xuất, đảm bảo bền vững¹⁶.

¹⁵ Tổng đàn bò sữa trong dân đến nay 10.780 con, trong đó khoảng 5.066 con đang khai thác sữa, đàn bò sữa tập trung chủ yếu tại các xã: Tu Tra với 4.654 con, Đa Ròn 4.650 con, Lạc Xuân 490 con, Quảng Lập 401 con, thị trấn Thạnh Mỹ 190 con. Đàn bò sữa nuôi trong nông hộ chủ yếu là giống bò sữa thuần chủng Holstein Friesian. Qua từng năm đàn bò tăng khoảng 8-9%. Hiện nay đàn bò sữa trong dân có tổng đàn 10.780 con/600 hộ chăn nuôi bò sữa (quy mô đàn 10 con trở lên chiếm 78%), năng suất sữa trung bình 6,5 tấn/con/chu kỳ, cung cấp sản lượng sữa 110 tấn/ngày.

¹⁶ Hiện nay trên địa bàn huyện có 10 trạm thu mua sữa tươi với sản lượng sữa 160 tấn/ngày. Sữa tươi nguyên liệu sản xuất trong

Tuy nhiên so với Đề án phát triển đàn bò sữa và sữa của huyện đến năm 2020 phải đạt tổng đàn 22.000 con thì việc tăng đàn bò sữa trong nhiệm kỳ qua là quá thấp và không thể thực hiện được theo đề án đã xây dựng.

5. Chương trình kết cấu hạ tầng đồng bộ và chỉnh trang đô thị 02 thị trấn theo hướng văn minh, hiện đại

Trong thời gian qua, UBND huyện đã tranh thủ tối đa các nguồn vốn và huy động trong Nhân dân để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, song vẫn còn nhiều hạn chế chưa theo kịp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện; còn thiếu đồng bộ, tính kết nối chưa cao.

a) Hạ tầng giao thông

- Đường huyện: Có 08 tuyến, tổng chiều dài là 85,3 km. Các tuyến đường huyện cơ bản đã được nhựa và bê tông hóa.

- Đường đô thị: Có 59 tuyến với tổng chiều dài 33,76 km, trong đó có 8,03 km đường nhựa, 1,56 km đường bê tông nhựa, 20,32 km đường cấp phối sỏi và 3,85 km đường đất.

- Đường thôn: Tổng chiều dài là 109,54 km, trong đó có 4,37 km đường nhựa, 34,34 km đường

nông hộ cung cấp nguyên liệu cho các Công ty thu mua chế biến chiếm khoảng 99%, còn lại tiêu thụ tại chỗ.

bê tông xi măng, 11,69 km đường cấp phối đá dăm, 50,05 km đường cấp phối sỏi, 9,09 km đường đất.

- Đường ngõ, xóm: Tổng chiều dài 142,51 km, trong đó có 11,05 km đường nhựa, 30,62 km đường bê tông xi măng, 5,14 km đường cấp phối đá dăm, 60,84 km đường cấp phối sỏi, 34,8 km đường đất.

- Đường trục chính nội đồng: Tổng chiều dài 110,04 km, trong đó có 16,407 km đường bê tông xi măng, 7,23 km đường cấp phối đá dăm, 34,33 km đường cấp phối sỏi, 52,07 km đường đất.

b) Hạ tầng thủy lợi

Toàn huyện có 39 công trình thủy lợi cung cấp nước tưới phục vụ sản xuất với tổng diện tích tưới thực tế gần 2.500 ha (chỉ đáp ứng khoảng 13% diện tích). Tổng chiều dài kênh mương và đường ống dẫn nước tưới trên địa bàn huyện là 117,1 km; trong đó có 89,1 km kênh mương đã được kiên cố hóa chiếm 76,1%. Các công trình thủy lợi đều phát huy công suất thiết kế 80% trở lên. Tổng diện tích đất nông nghiệp được chủ động nước tưới từ các công trình thủy lợi và các nguồn nước khác (nước ngầm, sông, suối) là 19.207,3 ha (đạt 100%).

Các công trình thủy lợi chỉ mới đầu tư phần cụm công trình đầu mối và các tuyến kênh chính, kênh cấp 1, cấp 2, còn kênh cấp 3 và mương nhánh chưa được thực hiện một cách đồng bộ nên hiệu quả sử dụng chưa cao. Chi phí duy tu sửa chữa công trình còn thiếu.

c) Hạ tầng hệ thống điện

Toàn huyện đến nay đã có 100% các thôn có điện lưới quốc gia với tỷ lệ hộ sử dụng điện an toàn, thường xuyên đạt 99,9%, hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện. Điện áp đã đáp ứng được cho sinh hoạt và sản xuất song tổn thất điện năng vẫn còn lớn.

d) Hạ tầng xử lý chất thải rắn

Chất thải rắn hầu hết đang sử dụng biện pháp chôn lấp gây ô nhiễm môi trường và nguồn nước ngầm của huyện. Hiện đã bồi thường giải phóng mặt bằng và đang triển khai xây dựng dự án nhà máy xử lý chất thải rắn của huyện tại xã Ka Đô, kinh phí đầu tư trên 40 tỷ đồng.

đ) Hạ tầng thương mại

Toàn huyện có 09 chợ, trong đó có 02 chợ thị trấn (Thanh Mỹ, D'ran), 03 chợ hạng 2 (xã Quảng Lập, xã Ka Đô, xã Lạc Lâm) và 04 chợ hạng 3 (xã Lạc Xuân, xã Pró, xã Tu Tra, xã Ka Đơn). Bên cạnh đó, huyện có hệ thống các cửa hàng, tạp hóa trải rộng khắp các xã, thị trấn, phục vụ tốt nhu cầu mua sắm của người dân. Hiện tại đang xúc tiến kêu gọi đầu tư chợ trung chuyển các hàng hóa nông sản và xây dựng hệ thống kho dự trữ, bảo quản hàng hóa nông sản.

e) Hạ tầng thông tin và truyền thông

Trong 05 năm qua, hạ tầng thông tin và truyền thông có tốc độ phát triển rất nhanh nhưng độ phủ

sóng và chất lượng của mạng viễn thông chưa đáp ứng tốt cho người sử dụng, mật độ băng thông rộng vẫn còn thấp.

g) Hạ tầng y tế, giáo dục

Trên địa bàn huyện có 01 Trung tâm Y tế huyện, 03 phòng khám đa khoa khu vực; tại các xã, thị trấn đều có Trạm y tế đủ các phòng chức năng đáp ứng được yêu cầu hoạt động chuyên môn. Số Trạm y tế có bác sĩ đạt 100%; tỷ lệ viên chức Trạm y tế xã, thị trấn có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên là 100%; số bác sĩ đạt 5,8 bác sĩ/vạn dân. Trên địa bàn huyện có khoảng 100 cơ sở hành nghề y dược. Hiện nay, Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn quốc gia, đảm bảo các yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ y, bác sĩ theo quy định.

Tuy nhiên chất lượng dịch vụ y tế chưa đáp ứng được yêu cầu khám và chữa bệnh ngày càng cao của Nhân dân. Xã hội hóa trong lĩnh vực y tế còn nhiều hạn chế.

Cơ sở vật chất các trường học được đầu tư theo hướng chuẩn hóa, kiên cố hóa, hiện đại hóa, cảnh quan sư phạm được quan tâm, thiết bị dạy học, hệ thống thư viện trường học ở các cơ sở giáo dục được tăng cường theo các chuẩn quốc gia đã ban hành.

h) Hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch

100% số xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã; 102/104 (98,07%) thôn, tổ dân phố

có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.

Toàn huyện hiện có 72 công trình văn hóa, bao gồm: 01 Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện, 01 khu liên hợp thể thao huyện, 01 khu du lịch sân Golf, 04 đình làng là di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh, 08 sân bóng đá xã, 12 sân bóng mini, 45 sân bóng chuyền. Hoạt động thông tin tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức thường xuyên, có chất lượng, phục vụ tốt cho công tác tuyên truyền, giáo dục, xây dựng đời sống văn hóa văn minh, hiện đại ở nông thôn. Hiện Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đã được đầu tư xây dựng nhà văn hóa 05 tỷ đồng, khán đài 10 tỷ đồng và đang triển khai xây dựng nhà thi đấu đa năng 18 tỷ đồng.

Tuy nhiên hạ tầng văn hóa, thể thao phát triển chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của Nhân dân. Hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở trên địa bàn hiệu quả sử dụng chưa cao. Đầu tư của ngân sách Nhà nước và việc huy động các nguồn vốn khác cho văn hóa - thể thao còn thấp.

i) Về chỉnh trang đô thị 02 thị trấn theo hướng văn minh, hiện đại

Hạ tầng đô thị thiếu hệ thống đường vành đai liên kết vùng. Đô thị thị trấn D'Ran đang trong quá trình thi công đường Trung tâm thị trấn.

Tỷ lệ ngầm hóa mạng lưới điện, cáp viễn thông trong khu vực đô thị còn thấp. Cấp nước chưa

đáp ứng được nhu cầu, hệ thống đường ống cấp nước còn thiếu và lạc hậu dẫn đến tỷ lệ thất thoát nước sạch đô thị còn cao.

IV. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM

1. Công trình thủy lợi Ka Zam

Tổng mức đầu tư của công trình là 496 tỷ đồng. Năm 2018 đã cấp 1,0 tỷ đồng để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư. Đến nay hồ sơ dự án đã hoàn chỉnh, được tỉnh bổ sung trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2026.

2. Công trình hạ tầng Cụm công nghiệp Ka Đô

Tổng mức đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp Ka Đô (nâng cấp đường nội bộ Cụm công nghiệp Ka Đô) là 12 tỷ đồng. Hiện đã hoàn thiện, đảm bảo theo đúng tiến độ hợp đồng.

3. Công trình đường Trung tâm thị trấn D'Ran

Tổng mức đầu tư công trình là 80 tỷ đồng. Các hạng mục công trình đang trong quá trình thi công, đã hoàn thành đúng khối lượng, chất lượng theo hồ sơ thiết kế đã phê duyệt, đảm bảo về tính kỹ thuật và tiến độ hợp đồng.

4. Công trình cầu Ka Đô

Tổng mức đầu tư công trình là 80 tỷ đồng. Công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng trong tháng 10 năm 2019 góp phần tạo thuận lợi trong giao

thông hàng hóa, đi lại, giảm tải mật độ giao thông tuyến đường 413 Quảng Lập và Cầu Quảng Lập, được đánh giá là công trình đạt chất lượng và có tính mỹ quan cao.

5. Công trình đường ĐT 729, đoạn đi qua địa bàn huyện Đơn Dương

Tổng mức đầu tư công trình là 80 tỷ đồng do Sở Giao thông vận tải làm chủ đầu tư. Hiện đang triển khai thi công.

6. Công trình cầu Ông Thiệu

Tổng mức đầu tư 44 tỷ 995 triệu đồng (kinh phí xây lắp 29 tỷ 118 triệu đồng) do Sở Giao thông vận tải làm chủ đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng góp phần tạo điều kiện thuận lợi trong lưu thông phát triển kinh tế - xã hội vùng Nam sông Đa Nhim.

7. Hồ chứa nước Sao Mai

Tổng mức đầu tư công trình là 61 tỷ đồng. Công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng trong tháng 9 năm 2018 góp phần phát triển hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện, công trình được đánh giá là đạt chất lượng và có tính mỹ quan cao trong vùng.

8. Tiểu dự án hồ Công Đoàn, hồ Tân Hiên

Tổng mức đầu tư công trình là 59 tỷ đồng, hai tiểu dự án trên đã hoàn thành và đưa vào sử dụng trong tháng 5 năm 2019 góp phần cung cấp nước tưới, kết hợp nuôi trồng thủy sản và đường quản lý

phục vụ Nhân dân, được đánh giá là công trình đạt chất lượng theo hồ sơ được duyệt.

V. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT

1. Ưu điểm

Trong giai đoạn 2015 - 2020, tình hình kinh tế trên địa bàn huyện duy trì tốc độ phát triển, quy mô và chất lượng nền kinh tế được nâng lên. Thực hiện tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng chuyển biến tích cực; hầu hết các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đạt và vượt kế hoạch. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư từng bước đáp ứng nhu cầu xã hội; diện mạo nông thôn, nông nghiệp và đô thị có nhiều khởi sắc; các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, an sinh xã hội, văn hóa, thể thao... không ngừng phát triển đáp ứng yêu cầu phục vụ Nhân dân. Thực hiện hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới và hướng tới đạt kiểu mẫu. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội giữ vững ổn định.

2. Hạn chế, khuyết điểm

a) Lĩnh vực kinh tế

Chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn hạn chế, thiếu tính bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu phát triển của huyện. Công tác thu hút đầu tư gặp nhiều khó khăn; phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã đạt thấp.

Đổi mới mô hình tăng trưởng, triển khai Đề án tái cơ cấu kinh tế trên một số lĩnh vực chưa thực sự rõ nét. Việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào quá trình sản xuất trong Nhân dân chưa đồng đều; liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, tỷ trọng nông sản tham gia chuỗi liên kết giá trị còn thấp. Ngành du lịch phát triển chậm chưa tương xứng với tiềm năng của huyện.

Giá các mặt hàng nông sản thiếu ổn định. Tình hình bệnh xoắn lá trên cây họ cà chưa được giải quyết dứt điểm. Tình hình phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp còn xảy ra; việc giải quyết một số vụ còn kéo dài.

Tình hình vệ sinh môi trường ở một số địa bàn chưa tốt, nhất là tình trạng xả rác thải, nước thải bừa bãi. Cảnh quan môi trường chưa thật sự đảm bảo văn minh, hiện đại. Biến đổi khí hậu đã gây ảnh hưởng đến đời sống, hoạt động sản xuất trên địa bàn huyện, nhất là tình trạng mưa lớn, gió lốc, hạn hán.

Công tác quy hoạch, quản lý theo quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng còn nhiều bất cập. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hệ thống trục giao thông liên xã, liên huyện tuy được đầu tư nhưng chất lượng còn hạn chế, xuống cấp, nguồn kinh phí duy tu bảo dưỡng thấp, ảnh hưởng đến đời sống, giao thông, vận chuyển hàng hóa. Một số chương trình trọng tâm, công trình trọng điểm triển khai còn chậm.

b) Lĩnh vực văn hóa - xã hội

Nhiệm vụ xây dựng văn hóa con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước còn hạn chế nhất định. Đời sống văn hóa tinh thần chưa thực sự được nâng cao. Thiết chế văn hóa cơ sở chưa thực sự được phát huy, hiệu quả thấp.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học mặc dù được quan tâm đầu tư nhưng vẫn còn thiếu và chưa đồng bộ, việc xã hội hóa trên lĩnh vực giáo dục - đào tạo còn khó khăn; công tác đào tạo nghề chưa thật sự gắn với nhu cầu xã hội. Mức độ xã hội hóa và thu hút đầu tư lĩnh vực y tế chưa mạnh, khả năng cung cấp các dịch vụ y tế chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu. Kết quả giảm nghèo ở một số địa phương chưa thực sự bền vững, đời sống một bộ phận Nhân dân vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn.

Khoa học và công nghệ chưa thể hiện được vai trò động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đầu tư cho khoa học - công nghệ còn thấp, hiệu quả chưa cao, chưa gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Việc triển khai thực hiện kế hoạch phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương chưa quan tâm đúng mức, đặc biệt là cán bộ cấp cơ sở, nhân lực công tác khoa học kỹ thuật, quản trị doanh nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã.

Tình hình dịch Covid-19 diễn ra trong năm 2020 đã gây ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh, thương mại, dịch vụ và đời sống của Nhân dân trên địa bàn huyện.

c) Lĩnh vực quốc phòng - an ninh

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn nguy cơ có thể gây mất ổn định, nhất là về an ninh nông thôn, an ninh kinh tế, văn hóa, tư tưởng; hoạt động tín dụng trái pháp luật chưa được đẩy lùi, các loại tội phạm, tình trạng sử dụng ma túy, tai nạn giao thông vẫn còn nhiều yếu tố phức tạp.

d) Công tác quản lý Nhà nước trên một số lĩnh vực còn hạn chế, sự phối hợp của một số cơ quan, đơn vị chưa chặt chẽ, thiếu hiệu quả; tinh thần trách nhiệm và năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức, nhất là người đứng đầu chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Công tác cải cách hành chính còn nhiều hạn chế, nhất là tình trạng chậm trễ trong giải quyết thủ tục hành chính về đất đai còn kéo dài.

Phần 2**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI,
ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG - AN NINH
GIAI ĐOẠN 2020 - 2025****I. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN
2020 - 2025****1. Mục tiêu phát triển*****a) Mục tiêu tổng quát***

Xây dựng huyện Đơn Dương phát triển toàn diện, bền vững; là trung tâm sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh của tỉnh, khu vực và cả nước; phát triển công nghiệp theo hướng chọn lọc, tập trung vào những ngành, nghề, lĩnh vực lợi thế; đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng 02 thị trấn; quan tâm lĩnh vực văn hóa, xã hội, giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học, đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội; tăng cường quản lý tài nguyên, môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu. Đảm bảo quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thực hiện hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; đẩy mạnh cải cách hành chính. Xây dựng huyện Đơn Dương đạt nông thôn mới kiểu mẫu về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh vào năm 2025.

b) Mục tiêu cụ thể

**** Lĩnh vực kinh tế***

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt 7,6%; trong đó: Khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản tăng 6,8%; khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 9,3%; khu vực dịch vụ tăng 9,4%.

- Cơ cấu kinh tế đến năm 2025: Nông - lâm - thủy sản 48,3%; công nghiệp - xây dựng 15,4%; dịch vụ 36,3%.

- Thu nhập bình quân đầu người đạt trên 120 triệu đồng/người/năm; tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội chiếm khoảng 33% GRDP.

- Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân hàng năm khoảng 10%, đến năm 2025 đạt khoảng 19,496 triệu USD.

- Thu ngân sách Nhà nước bình quân năm tăng từ 11 - 12%; trong đó thu thuế, phí bình quân hàng năm tăng từ 12 - 14%; phân đầu đến năm 2025 ngân sách địa phương cân đối 25 - 30% nhu cầu chi thường xuyên.

**** Lĩnh vực văn hóa - xã hội***

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 47,5 - 48%; trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp bằng, chứng chỉ chiếm 40%.

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2025 dưới 1%.

- Phân đầu giảm nghèo bình quân hàng năm tối thiểu 1 - 1,5%/năm, riêng hộ nghèo đồng bào dân tộc

thiếu số giảm tối thiểu 2 - 3%/năm (theo tiêu chí hộ nghèo giai đoạn 2020 - 2025).

- Đến năm 2025, giữ vững kết quả và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp; trên 98% thanh niên trong độ tuổi đang học trung học phổ thông hoặc tương đương; trên 94,4% trường đạt chuẩn quốc gia. Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học đạt từ 98% trở lên.

- Đến năm 2025, 100% số xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế, có từ 7,5 - 8 bác sĩ/vạn dân.

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 98% trở lên.

- Đến năm 2025, có 97% hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa; 98% thôn và tổ dân đạt chuẩn văn hóa; duy trì 100% xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; 100% thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh; 98% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.

** Lĩnh vực môi trường*

- Đến năm 2025, 95% trở lên rác thải đô thị, trên 95% rác thải nông thôn được thu gom và xử lý; tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98% trở lên.

- Tỷ lệ độ che phủ rừng đến năm 2025 đạt trên 60%.

** Lĩnh vực xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*

Đến năm 2025, 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, có 5/8 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh. 100% thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh.

2. Các chương trình trọng tâm

a) Chương trình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh.

b) Chương trình phát triển kinh tế tư nhân gắn với phát triển doanh nghiệp, củng cố phát triển kinh tế hợp tác.

c) Chương trình đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

d) Chương trình phát triển du lịch, dịch vụ và văn hóa, thể thao.

đ) Chương trình phát triển kết cấu - hạ tầng đồng bộ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới.

3. Các công trình trọng điểm

a) Trung tâm xử lý rau, quả sau thu hoạch gắn với chợ đầu mối nông sản hàng hóa.

b) Nhà máy nước sạch.

c) Đường vành đai Quốc lộ 27, đoạn đi qua thị trấn Thạnh Mỹ.

d) Thủy lợi Ka Zam.

đ) Công trình đường ĐT 729.

e) Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ và chỉnh trang đô thị thị trấn Thanh Mỹ.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2020 - 2025

Cụ thể hóa Nghị quyết của Huyện ủy, HĐND huyện thành Kế hoạch, Chương trình hành động của UBND huyện về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh giai đoạn 2020 - 2025; trong đó tập trung lập và triển khai thực hiện quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực; quy hoạch vùng huyện Đơn Dương đến năm 2040.

1. Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế

Đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, trọng tâm là tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, phát triển dịch vụ du lịch chất lượng cao, phát triển công nghiệp nhất là công nghiệp chế biến phụ trợ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa trên ứng dụng những thành tựu khoa học - công nghệ và phát huy tiềm năng, lợi thế địa phương; tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ trong cơ cấu kinh tế gắn liên kết liên doanh, liên kết ngành, vùng, lĩnh vực; đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế trên các lĩnh vực.

Tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng bền vững, trong đó tập trung đẩy mạnh nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh trong điều kiện ứng phó biến đổi khí hậu và thích ứng với cơ chế thị trường. Phát triển mạnh các loại hình kinh tế hợp tác và khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp. Hình thành mạng lưới phân phối nông sản theo hướng doanh nghiệp, hợp tác xã giữ vai trò nòng cốt; ứng dụng khoa học công nghệ là điều kiện tiên quyết; liên kết để tạo sự phát triển bền vững; xây dựng thương hiệu để khẳng định giá trị và cam kết chất lượng; phát huy vai trò chủ thể của người nông dân trong phát triển nông nghiệp. Thực hiện tích tụ ruộng đất tự nhiên phù hợp thông qua liên kết sản xuất. Quy hoạch lại hệ thống nhà kính, nhà lưới gắn với phát triển nông nghiệp xanh, bền vững, thân thiện môi trường. Tiếp tục thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, đô thị văn minh hiệu quả, thực chất.

Phát triển diện tích canh tác rau, hoa được ứng dụng công nghệ cao theo hướng hữu cơ, thông minh; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đưa một số loại cây có giá trị phù hợp với điều kiện sản xuất (dược liệu...) ở một số diện tích kém hiệu quả. Tăng năng suất chất lượng các loại cây trồng, vật nuôi trung bình từ 3 - 5%/năm, giảm tổn thất sau thu hoạch các loại nông sản xuống dưới 10%; chú trọng xử lý, đảm bảo môi trường trong trồng trọt, chăn nuôi phát triển chuỗi liên kết sản xuất bền vững.

Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn, các chương trình, dự án trên địa bàn huyện trong đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội, tổ chức sản xuất hiệu quả. Chủ động khai thác, huy động mọi nguồn lực của địa phương, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu.

Phát triển mạnh khu vực dịch vụ theo hướng đa ngành, đa dạng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ, chú trọng quy hoạch và phát triển du lịch gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống; giữ gìn tôn tạo cảnh quan thiên nhiên để hình thành và phát triển các sản phẩm dịch vụ du lịch.

Phát triển công nghiệp theo hướng khai thác lợi thế và tăng trưởng bền vững, thân thiện với môi trường. Tập trung thu hút đầu tư phát triển doanh nghiệp và mở rộng ngành nghề trong công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

Tiếp tục phát triển công nghệ thông tin tạo cơ sở tiền đề cho nền kinh tế số. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ trong quản trị gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; thực hiện các phương thức quản lý, quản trị hiện đại và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo ở tất cả các ngành, các lĩnh vực.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp để kêu gọi thu hút đầu tư vào nền kinh tế. Khuyến khích khởi nghiệp, phát triển kinh tế tư nhân, hỗ trợ phát triển

kinh tế hợp tác nhất là trong lĩnh vực chế biến, sơ chế, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Phát huy và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính, tín dụng, bảo đảm nhu cầu vốn cho nền kinh tế. Thực hiện tốt nhiệm vụ thu ngân sách, thực hành tiết kiệm và tăng chi cho đầu tư phát triển, đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội.

Quan tâm đầu tư phát triển, xây dựng, chuyển giao, nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế - xã hội hiệu quả trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nâng cao trình độ mọi mặt và nâng cao chất lượng cuộc sống Nhân dân, thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa các vùng trên địa bàn huyện.

Triển khai có hiệu quả quy hoạch vùng trên cơ sở khai thác, phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng xã, thị trấn; tăng cường liên kết, liên vùng giữa các xã, thị trấn để tạo ra sự đồng bộ chung của nền kinh tế. Phát triển mạnh đô thị, liên kết đô thị với nông thôn, tạo động lực cho các vùng; xây dựng 02 thị trấn và các trung tâm xã hiện đại, văn minh.

2. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; phát triển khoa học công nghệ

a) Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tiếp tục quán triệt đầy đủ, sâu sắc, thực hiện có hiệu quả quan điểm “Giáo dục là quốc sách hàng

đầu” cùng với “Khoa học - công nghệ là động lực then chốt” để phát triển.

Thực hiện có hiệu quả đồng bộ nội dung, chương trình, phương pháp và phương thức giáo dục - đào tạo theo hướng giáo dục mở với mục tiêu hình thành, phát triển những phẩm chất và năng lực chủ yếu cho học sinh. Đổi mới căn bản giáo dục thể chất và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

Tập trung mọi nguồn lực để nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, đến năm 2025, 100% số nhà giáo và cán bộ quản lý đảm bảo chuẩn về trình độ đào tạo; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Tiếp tục rà soát, quy hoạch, sắp xếp hệ thống giáo dục gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo Đề án của huyện và chủ trương chung. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút mọi nguồn lực đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, hướng đến phát triển giáo dục và đào tạo chất lượng cao.

Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đa dạng ngành, nghề đào tạo; ưu tiên đầu tư phát triển đào tạo một số ngành, nghề có tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan chức năng và đoàn thể Nhân dân đối với hoạt động giáo dục, đào tạo. Phát hiện, xử lý nghiêm những tiêu cực trong việc thi, kiểm tra, đánh giá,

kiểm định chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm đúng thực chất, công bằng.

b) Phát triển khoa học công nghệ

Phát triển khởi nghiệp sáng tạo; nâng cao năng lực quản trị, quản lý Nhà nước về đổi mới sáng tạo. Phát triển Cụm công nghiệp Ka Đô theo định hướng trong chuỗi ứng dụng công nghệ cao, thông minh vào các khâu sản xuất, chế biến, đóng gói, tiêu thụ sản phẩm.

Tăng cường hợp tác, hội thảo, truyền thông khoa học và công nghệ nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết chung về khoa học và công nghệ và đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ vào cuộc sống, sản xuất.

3. Phát huy giá trị và sức mạnh văn hóa, con người; bảo đảm tiến bộ công bằng xã hội

a) Phát huy giá trị và sức mạnh văn hóa, con người

Thực hiện hiệu quả nghị quyết, chương trình về phát triển văn hóa. Bảo tồn phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; khai thác hiệu quả lợi thế, giá trị bản sắc để phát triển kinh tế - xã hội vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phát huy, sử dụng hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể dục thể thao đặc biệt là ở vùng nông thôn. Tăng cường tuyên truyền, vận động xây dựng nếp sống văn minh, lối sống lành mạnh.

Phát triển toàn diện con người về thể chất, phẩm chất đạo đức, năng lực và kỹ năng sống. Quan tâm giáo dục, chăm sóc, bảo vệ trẻ em. Xây dựng môi trường sống, học tập và làm việc lành mạnh, công bằng về cơ hội và lợi ích. Bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân theo Hiến pháp và pháp luật.

Chú trọng nâng cao giá trị tư tưởng, nghệ thuật, tính nhân văn, làm phong phú thêm bản sắc văn hóa dân tộc. Tiếp tục bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc, văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng trong các lễ hội văn hóa, phát huy giá trị, bản sắc văn hóa các dân tộc Tây Nguyên gắn với phát triển du lịch, dịch vụ. Quy hoạch khôi phục các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể theo tập quán của các dân tộc, tạo sự đa dạng, phong phú đặc trưng của các dân tộc trên địa bàn huyện.

Xây dựng văn hóa lãnh đạo, quản lý; xây dựng chuẩn mực văn hóa trong thời kỳ mới; tăng cường xây dựng văn hóa doanh nghiệp, doanh nhân, làm cho văn hóa trở thành một lực lượng sản xuất trực tiếp trong hoạt động kinh tế.

b) Bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội

Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách xã hội, quản lý phát triển xã hội theo hướng bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, tính bền vững trong các chính sách xã hội, an sinh xã hội.

Giải quyết hài hòa các quan hệ xã hội, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư, ngành nghề, dân tộc, bảo đảm ổn định và phát triển bền vững.

Gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Bảo đảm các chính sách xã hội phù hợp với nhu cầu, lợi ích của người dân, mọi người đều bình đẳng, có cơ hội và điều kiện phát triển toàn diện.

Thực hiện tốt chính sách người có công với cách mạng trên cơ sở huy động mọi nguồn lực xã hội kết hợp với nguồn lực của Nhà nước, bảo đảm người có công có mức sống từ trung bình trở lên.

Thực hiện tốt các chính sách về giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống Nhân dân, chính sách bảo hiểm thất nghiệp. Phát triển giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu thị trường lao động, gắn đào tạo với sử dụng; tập trung giải quyết việc làm bền vững, đặc biệt là việc làm cho lao động nông nghiệp.

Tập trung giảm nghèo bền vững theo chuẩn nghèo đa chiều, đặc biệt quan tâm vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Bảo đảm cung cấp tốt hơn các dịch vụ xã hội cơ bản tối thiểu (nhà ở, giáo dục, y tế, nước sạch, thông tin truyền thông...).

Đổi mới và hoàn thiện hệ thống chăm sóc sức khỏe Nhân dân theo hướng công bằng, hiệu quả và

phát triển. Đẩy mạnh đổi mới phong cách, thái độ phục vụ, nâng cao ý thức và xây dựng cơ sở y tế xanh, sạch, đẹp, thân thiện với môi trường. Nâng cao sức khỏe cả về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống; giảm tỷ lệ mắc bệnh và tử vong do bệnh, dịch bệnh; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, góp phần tăng tuổi thọ, nâng cao các chỉ số sức khỏe cơ bản của người dân. Phát triển nhân lực và khoa học - công nghệ y tế; đổi mới hệ thống quản lý và cung cấp dịch vụ y tế. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh gắn với đổi mới y tế cơ sở.

Chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19; phát huy những kết quả đạt được; tuyệt đối không được lơ là, chủ quan; nghiêm túc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp với điều kiện mới; không để xảy ra lây lan trong cộng đồng.

4. Quản lý và sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trong khai thác, sử dụng tài nguyên, đất, nước, rừng, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu. Tăng cường quản lý, bảo vệ và phát triển rừng theo chỉ đạo của Chính phủ, UBND tỉnh, đạt mục tiêu nâng cao độ che phủ rừng và diện tích rừng theo quy hoạch, kế hoạch.

Phối hợp điều tra cơ bản, đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu về đất, nước và các nguồn tài nguyên. Nâng cao năng lực giám sát về môi trường và biến đổi khí hậu, năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai và thảm họa môi trường. Không để xảy ra tình trạng hủy hoại, làm cạn kiệt tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường của các cơ sở sản xuất, cụm công nghiệp, khu đông dân cư, đô thị.

Huy động nguồn lực, thực hiện đồng bộ các giải pháp để bảo vệ môi trường, nâng cao năng lực, chủ động phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai, chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu.

5. Công tác quốc phòng, an ninh; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế

a) Quốc phòng an ninh, nội chính

Tổ chức quán triệt thực hiện các quan điểm, chủ trương về lãnh đạo, định hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh giai đoạn 2020 - 2025. Nâng cao sức mạnh tổng hợp và sức chiến đấu của lực lượng vũ trang, chất lượng chính trị và độ tin cậy cao; đổi mới chất lượng huấn luyện, diễn tập vận hành cơ chế theo Nghị quyết 28-NQ/TW.

Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, củng cố mối quan hệ, lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ, làm cơ sở xây dựng “Thế

trận lòng dân” vững chắc, tạo nền tảng xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh Nhân dân.

Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về chiến lược bảo vệ tổ quốc; đảm bảo an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới.

Thực hiện việc nắm chắc tình hình, không để bị động, bất ngờ, chủ động đấu tranh, ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, không để xảy ra biểu tình, bạo loạn, không để hình thành các tổ chức chính trị đối lập. Tập trung giải quyết hiệu quả vấn đề xã hội bức xúc; đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Tăng cường công tác tiếp dân, thanh tra, kiểm tra nhằm kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý các sai phạm. Đẩy mạnh việc thực hiện các biện pháp phòng, chống tham nhũng. Tập trung xử lý, giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công dân bảo đảm các quy định của Pháp luật.

b) Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế

Chú trọng và tiếp tục thực hiện tốt chủ trương, phương châm và chính sách đối ngoại, hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước. Triển khai thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức đội ngũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân về những quan điểm nguyên tắc, những thuận lợi, thách thức

trong hội nhập quốc tế. Trên cơ sở đó tăng cường lãnh đạo thực hiện mở rộng và nâng cao hiệu quả quan hệ đối ngoại. Tăng cường đối ngoại Nhân dân. Tăng cường xúc tiến, quảng bá và hoạt động kinh tế đối ngoại, thu hút mở rộng hợp tác đầu tư. Hỗ trợ và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân yên tâm đầu tư và phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện.

Trên đây là báo cáo kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 5 năm giai đoạn 2015 - 2020; phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2020 - 2025 của UBND huyện Đơn Dương./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Các ban và Văn phòng Tỉnh ủy,
- Đ/c Ủy viên BTV Tỉnh ủy phụ trách huyện,
- Thường trực Huyện ủy, HĐND, UBND,
Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Các Tổ chức cơ sở Đảng,
- Các cơ quan, ban, ngành và đoàn thể huyện,
- Lưu VPHU.

**T/M HUYỆN ỦY
BÍ THƯ**

(Đã ký)

Trương Văn Tùng

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU
NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ HUYỆN
LẦN THỨ XI (NHIỆM KỲ 2015 - 2020)

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Chỉ tiêu Nghị quyết | Ước thực hiện giai đoạn 2015-2020 | Đánh giá thực hiện |
|-----|---|-------------|---------------------|-----------------------------------|--------------------|
| 1 | Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GRDP) | % | 8,5 | 8,6 | Vượt |
| 1.1 | Ngành nông - lâm - thủy sản | % | 7,3 | 7,3 | Đạt |
| 1.2 | Ngành công nghiệp - xây dựng | % | 10,5 | 11,0 | Vượt |
| 1.3 | Ngành dịch vụ | % | 12,0 | 12,2 | Vượt |
| 2 | Cơ cấu kinh tế | | | | |
| 2.1 | Ngành nông - lâm - thủy sản | % | 50,3 | 50,2 | Không đạt |
| 2.2 | Ngành công nghiệp - xây dựng | % | 14,9 | 14,9 | Đạt |
| 2.3 | Ngành dịch vụ | % | 34,8 | 34,9 | Vượt |

| | | | | | |
|----|---|--------------|---------------|--------------|-----------|
| 3 | GDP bình quân đầu người | tr.đồng g | 71-72 | 71,97 | Đạt |
| 4 | Tổng thu ngân sách Nhà nước | % | tăng 11-12 | Tăng 12,6 | Vượt |
| 5 | Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên | % | <1,2 | 1,15 | Đạt |
| 6 | Tỷ lệ hộ nghèo | % | <0,5 | 0,47 | Đạt |
| | Trong đó hộ nghèo đồng bào DTTS | % | <1,5 | 1,06 | Đạt |
| 7 | Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia | % | 76,0 | 85,3 | Vượt |
| 8 | Tỷ lệ xã đạt bộ tiêu chí QG về y tế | % | 100,0 | 100,0 | Đạt |
| | Số bác sĩ/vạn dân | bác sĩ | 7,1 | 5,8 | Không đạt |
| 9 | Tỷ lệ thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh | % | 100,0 | 50,0 | Không đạt |
| 10 | Tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân | % | 80,0 | 92,0 | Vượt |
| 11 | Tỷ lệ che phủ rừng | % | 58,0 | 58,96 | Vượt |
| 12 | Tỷ lệ rác thải đô thị được thu gom và xử lý | % | 90,0 | 90,0 | Đạt |
| 13 | Tỷ lệ dân số nông | % | 92,67 | 92,65 | Không |

| | | | | | |
|----|--|----|------|------|-----------|
| | thôn sử dụng nước hợp vệ sinh | | | | đạt |
| 14 | Tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước hợp vệ sinh | % | 95,0 | 95,0 | Đạt |
| 15 | Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia | % | 100 | 99,9 | Không đạt |
| 16 | Số xã đạt chuẩn nông thôn mới | xã | 8 | 8 | Đạt |